

HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC MỎ Ở LÀO CAI DƯỚI THỜI GIA LONG VÀ MINH MỆNH

Nguyễn Đại Đồng*

Trường Đại học Khoa học – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Lào Cai là một tỉnh miền núi phía Bắc, là địa phương có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng. Vì vậy, Triều Nguyễn đã đẩy mạnh hoạt động khai thác mỏ nơi đây. Trong bài báo này, tác giả tập trung giải quyết 3 vấn đề chính: Địa danh vùng đất Lào Cai qua các thời kỳ lịch sử; Chủ trương, chính sách và hoạt động khai thác mỏ của Triều Nguyễn - đặc biệt thời vua Gia Long, Minh Mệnh; Trên cơ sở về hoạt động khai thác mỏ của Triều Nguyễn ở Lào Cai, tác giả rút ra một số nhận xét về chính sách, tổ chức và hoạt động khai thác mỏ của nhà Nguyễn ở Lào Cai đầu thế kỷ XIX.

Từ khóa: Lào Cai, Hưng Hoá, khai mỏ, thời Nguyễn, thế kỷ XIX.

Trong lịch sử kinh tế Việt Nam, khai mỏ là một trong những ngành kinh tế quan trọng, có lịch sử lâu đời và từng bước hoàn thiện. Thời đại kim khí, người Việt đã bắt đầu khai thác các mỏ kim loại và thực hiện thuật luyện kim. Với nguồn tài nguyên khoáng sản Lào Cai đã trở thành một trong những vùng trọng điểm về khai thác mỏ ở các tỉnh miền núi Bắc Kỳ. Đến thời Nguyễn, hoạt động khai thác mỏ có bước phát triển hơn trước. “Đại Nam thực lục” và “Đại Nam hội điển sự lệ” của Quốc sử quán triều Nguyễn cho biết chủ trương, chính sách của các vua nhà Nguyễn về khai mỏ, thuế mỏ và những định lệ khen thưởng cho việc khai mỏ ở các tỉnh miền núi phía Bắc, trong đó có Lào Cai. Với cấu tạo địa chất đặc biệt, nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, nhất là vùng miền núi phía Bắc. Các mỏ đồng, mỏ sắt, mỏ vàng, mỏ bạc... cung cấp những kim loại cần thiết để chế ra công cụ sản xuất, đồ dùng sinh hoạt, đồ trang sức, đúc tiền, đúc súng.

Thời nhà Nguyễn dưới hai triều vua Gia Long, Minh Mệnh việc khai mỏ đã có bước phát triển đáng kể. Trong bài viết này, tác giả đi sâu nghiên cứu 3 vấn đề:

- Thứ nhất, địa danh Lào Cai qua các thời kỳ lịch sử

- Thứ hai, chủ trương, chính sách của triều Nguyễn về hoạt động khai thác mỏ, đặc biệt là dưới triều vua Gia Long và Minh Mệnh.

- Thứ ba, một số nhận xét về hoạt động khai mỏ của nhà Nguyễn ở Lào Cai.

Vùng đất Lào Cai¹ trong lịch sử

Lào Cai là một tỉnh vùng cao biên giới, nằm ở phía Tây Bắc Việt Nam. Phía Đông giáp tỉnh Hà Giang, phía Tây giáp tỉnh Lai Châu, phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), phía Nam giáp tỉnh Yên Bái.

Về nguồn gốc tên gọi Lào Cai có nhiều cách lý giải nhưng theo cổ Giáo sư Đào Duy Anh, từ "Lão Nhai", khi làm bản đồ, người Pháp viết "Lao Cai" thành "Lào Kay". Danh từ "Lào Kay" đã được người Pháp sử dụng trong các văn bản và con dấu còn người Việt khi đọc, biến âm theo tiếng Việt thành Lào Cai và trong giao tiếp và dân gian người ta vẫn gọi là Lào Cai. Đây là vùng đất cổ. Thời Hùng Vương thuộc Tân Hưng, một trong 15 bộ của Nhà nước Văn Lang. Thời Âu Lạc, vùng đất phía đông và phía nam thuộc bộ lạc Tây Vu, vùng đất phía đông và phía bắc thuộc phạm vi

¹ Lào Cai: Thời Nguyễn gọi là trấn Hưng Hoá (năm 1831, Minh Mạng đổi thành tỉnh Hưng Hoá). Ngày 12/7/1907, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định số 288 chuyển đạo quan binh số 4 Lào Cai thành tỉnh dân sự Lào Cai.

của các bộ lạc nhỏ hơn không thuận phục Lạc Việt. Thời Bắc thuộc, Lào Cai thuộc huyện Tây Vu, quận Giao Chỉ. Sau thuộc quân Tân Hưng, đất Giao Châu (thời Tây Tấn), châu Đan Đường, Chu Quý thuộc Giao Chỉ (thời Tùy), Lâm Tây châu, Đức Hóa châu thuộc phủ An Nam (thời Đường, 679).

Thời phong kiến độc lập, Lào Cai thuộc đạo Lâm Tây thời Đinh, đất Dăng Châu thời Lý, tiếp là huyện Thủy Vĩ, trấn Quy Hóa, đạo Đà Giang thời nhà Trần. Năm 1397, Hồ Quý Ly làm phụ chính thái sư, sửa đổi chế độ hành chính, đã đổi các bộ phủ làm trấn và Đà Giang đổi thành trấn Thiên Hưng. Trong đó, huyện Thủy Vĩ, huyện Văn Bàn được thành lập trực thuộc châu Quan Hóa. Từ đó Thủy Vĩ, Văn Bàn (vùng đất Lào Cai xưa) đã chính thức trở thành tên đơn vị hành chính của nhà nước phong kiến Đại Việt. Triều Lê đổi lộ làm phủ và đổi trấn làm châu, khi đó lộ Quy Hóa đổi thành phủ Quang Hóa, huyện Văn Bàn, huyện Thủy Vĩ trở thành châu Văn Bàn, châu Thủy Vĩ trực thuộc phủ Quang Hóa, thừa tuyên Hưng Hóa. Năm Hồng Đức thứ 31 (1490) đạo thừa tuyên Hưng Hóa đổi thành xứ Hưng Hóa. Đến đời Hồng Thuận Lê Tương Dực (1509-1516) đổi xứ Hưng Hóa thành trấn Hưng Hóa. Đến đời nhà Nguyễn, vùng đất Lào Cai chủ yếu thuộc đất của châu Thủy Vỹ, châu Văn Bàn, một phần thuộc châu Chiêu Tấn và một phần nhỏ thuộc châu Lục Yên thuộc phủ Quy Hóa, tỉnh Hưng Hóa. Năm 1886, Pháp đánh chiếm và cai quản Lào Cai theo chế độ quân sự. Năm 1899, đạo quan binh IV được thành lập bao gồm 2 tiểu quân khu, Yên Bái và Lào Cai. Lào Cai là đạo lý, thủ phủ của đạo quan binh IV. Để dễ bề kiểm soát và tiến hành khai thác, thực dân Pháp đã chia lại khu vực hành chính và thay đổi chế độ cai trị. Năm 1907, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định bãi bỏ đạo quan binh IV Lào Cai, chuyển từ chế độ quân quản sang chế độ cai trị dân sự, thành lập tỉnh Lào Cai. Từ đây, địa danh tỉnh Lào Cai được xác định trên bản đồ Việt Nam. Ngày 12 tháng 7 năm

1907, được xác định là ngày thành lập tỉnh Lào Cai.

Ngày 1/1/1976, ba tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Nghĩa Lộ được sáp nhập thành tỉnh Hoàng Liên Sơn. Ngày 1/10/1991, tỉnh Lào Cai được tái lập [1]; tr. 12-13].

Nhà Nguyễn với các chính sách và hoạt động khai mỏ ở Lào Cai

Tình hình khai mỏ dưới triều Nguyễn chủ yếu được ghi chép lại trong bộ “Đại Nam thực lục” và bộ “Đại Nam hội điển sự lệ”. Ngoài ra, một số địa phương chí viết dưới triều Nguyễn, các tác phẩm sử học đương thời, sách của người Pháp viết khi mới xâm lược nước ta cũng có ghi lại hoạt động về khai mỏ.

Khoảng nửa đầu thế kỷ XIX, tình chung trong cả nước tổng số mỏ đã khai thác là 124 mỏ, trong đó bao gồm: 34 mỏ vàng, 29 mỏ sắt, 20 mỏ diêm tiêu, 14 mỏ bạc, 9 mỏ đồng, 7 mỏ kẽm, 4 mỏ chì, 3 mỏ gang, 2 mỏ lưu hoàng, 1 mỏ thiếc, 1 mỏ châu sa. Trong đó “Hưng Hoá²: 4 mỏ vàng là Yết Ong, Gia Nguyễn, Bản Lỗ, Hương Sơn; 2 mỏ bạc là Phú Thành, Ly Bô; 5 mỏ đồng là Trinh Lạn, Lại Xương, Phong Dụ, Mãn Đổ, Suối Lãm; 5 mỏ diêm tiêu là Bào Đàm, Hiếu Trai, Bản Vinh, Trinh Ban, Mạn Thảm” [2; tr. 40-41].

Hưng Hóa đứng thứ 3 trong cả nước về khai thác mỏ. Điều này đã được nhà sử học Phan Huy Chú khẳng định: “mối lợi về hầm mỏ phần nhiều ở các xứ Tuyên, Hưng, Thái, Lạng với mỏ vàng, bạc, đồng, thiếc, diêm không biết bao nhiêu của... Trong nửa đầu thế kỷ XIX, miền Tuyên, Hưng, Thái, Lạng có đến 92 mỏ chiếm trên 74% tổng số mỏ của cả nước lúc bấy giờ” [2; tr. 42].

Thế kỷ XIX, ở Hưng Hoá các hoạt động khai mỏ chủ yếu diễn ra dưới thời vua Gia Long, Minh Mệnh. Hoạt động khai mỏ, chính sách về thuế mỏ được biểu hiện cụ thể như sau:

- Năm Gia Long thứ 1 (1802), Nhà nước chủ trương khai các mỏ ở Tuyên Quang và Hưng Hoá: “Khai mỏ vàng, bạc, đồng, kẽm ở Tuyên

² Hưng Hoá: tên gọi Lào Cai thời Lê, Nguyễn

Quang và Hưng Hoá, sai bọn thổ mục Ma Doãn Điền, Hoàng Phong Bút và Cầm Nhân Nguyên lãnh trung. (Ma Doãn Điền khai mỏ chì Kim Tương, Hoàng Phong Bút khai mỏ đồng Tú Long, mỏ bạc Nam Dương, mỏ vàng Tú Sơn, Cầm Nhân Nguyên khai mỏ Mẫn Tuyên, mỏ chì Tú Dung, định sang năm bắt đầu thu thuế. Lại thấy dân Man các tộc Sơn Từ, Sơn Trang và Sơn Man có nhiều người bỏ trốn, sai các thổ mục vờ gọi về, đợi khi phục hồi lượng định thuế khoá" [8; tr. 531].

- Năm Minh Mệnh thứ 2 (1821), Nhà nước cho miễn thuế để thúc đẩy hoạt động khai mỏ phát triển: "Miễn lệ thuế cho bảy mỏ vàng, đồng, kẽm, chì và diêm ở Bắc Thành (mỏ vàng Nà Áp ở Lạng Sơn, mỏ đồng Trinh Lạc ở Hưng Hoá, mỏ kẽm Quang Vinh và Cam Lộ ở Thái Nguyên, mỏ chì Khôn Hiến ở Hải Nguyên, mỏ chì Phúc Ninh ở Tuyên Quang, mỏ diêm tiêu Minh Lương và Minh Nông ở Sơn Tây. Chủ mỏ và phu khoán xiêu tán, Thành thần tâu lên, nên cho miễn thuế" [9; tr. 128].

- Năm Minh Mệnh thứ 4 (1823), vua lại tiếp tục cho miễn thuế một số mỏ ở Hưng Hoá, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Hải Dương: "Quan Bắc Thành tâu rằng năm mỏ vàng, kẽm, đồng, diêm tiêu ở các trấn thuộc thành, chủ mỏ và phu khoán xiêu tán, xin miễn thuế. Vua y cho. (Mỏ vàng Đồng Bộc ở Lạng Sơn, mỗi năm nộp thuế vàng 9 lạng; mỏ kẽm An Lãng ở Hải Dương nộp thuế kẽm 720 cân; hai mỏ đồng đỏ Mản Đò và Lầm Khê ở Hưng Hoá nộp thuế 600 cân; mỏ diêm tiêu Hữu Vinh ở Tuyên Quang thuế diêm tiêu 100 cân) [9; tr. 310].

- Năm Minh Mệnh thứ 11 (1830), cho khai thác mỏ đồng Thạch Bi trấn Hưng Hoá mỗi năm nhà nước thu thuế đồng 400 cân [10; tr. 31].

- Năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), Nhà nước chú trọng tăng thêm thuế của các mỏ và yêu cầu các chủ mỏ phải bán một số vàng đã khai thác được cho nhà nước, chủ trương đây mạnh hơn nữa việc khai thác các nguồn lợi tài nguyên. Vua dụ truyền: "... các sở mỏ vàng ở các trấn thuộc Bắc Thành (mỏ Phong Thượng, ở Bắc Ninh; 5 mỏ ở Tuyên Quang: Tiên Kiều, Niêm Sơn thuộc Mậu Duệ; Bạch Ngọc, Ngọc

Liên thuộc Quan Quang, và Linh Hồ ở Lương Cai đạo viện, 3 mỏ ở Hưng Hoá: Yết Ong, Gia Nguyễn, Bàn Lô; 4 mỏ ở Thái Nguyên: Kim Hi, Thuần Mang, Sảng Mộc và Báo Mang; 4 mỏ ở Lạng Sơn: Xuân Dương, Đồng Bộc, Suất Lễ và Hữu Lân và mỏ Vĩnh Giang ở Cao Bằng). Mỗi năm nộp thuế vàng từ 1 lạng đến 6 lạng, không được là bao nhiêu. Sắc sai bộ Hộ tư cho quan thành truyền bảo các chủ mỏ hằng năm ngoài lệ vàng nộp thuế, mỗi mỏ phải bán cho nhà nước 50 lạng vàng nữa, nhà nước sẽ trả tiền cho (mỗi lạng vàng là 12 lạng bạc hoặc 60 quan tiền). Các chủ mỏ đều không bằng lòng. Vua hạ lệnh phong toả hết các mỏ lại, không cho khai nữa.

Sau đó lại dụ bộ Hộ rằng: "Vàng, một nguồn báu dưới đất, rất có quan hệ đến thuế khoá của nhà nước, phải nhân mỗi lợi mà làm ra lợi, há nên bỏ đấy? Vậy hạ lệnh cho quan địa phương mộ thuế những phu quen nghề làm mỏ rồi phải người đến đốc suất mà khai; hay là lập ra bộ làm vàng, chăm chức thành ngạch thuế để quốc dụng được tăng thêm và tài nguyên được dồi dào" [10; tr. 214].

Năm Minh Mệnh thứ 13 (1832), vua ra chỉ dụ về việc khảo sát các mỏ để khai thác, đặt thêm ngạch thuế và định lệ khen thưởng cho những ai biết mỏ. Vua dụ: "sắc sai các quan tỉnh: cứ hạn trong 1 năm, hoặc 3 năm, xem xét mỏ nào có khí vàng bốc lên thì đặt thêm ngạch thuế... vua sai bộ Hộ lựa định cách thưởng. Lại đưa thể lệ ban thưởng ấy cho các tỉnh Hưng Hoá, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn: hễ ai khai thác được thì chiếu theo lệ ấy mà thi hành. (Hạn 15 ngày mỗi người được trả công làm thuê là 3 quan tiền, đãi được vàng cảm từ 1 đồng cân 3 phân đến 1 đồng cân 9 phân cũng được, nếu không đầy 1 đồng cân thì lần sau làm bù. Đãi được từ 2 đồng cân trở lên thì thưởng bạc 3 đồng cân; đãi được 3 đồng cân trở lên thì thưởng bạc 8 đồng cân; đãi được 4 đồng cân trở lên thì thưởng bạc 1 lạng; đãi được 5 đồng cân trở lên thì thưởng bạc 1 lạng 5 đồng cân; đãi được 6 đồng cân trở lên thì thưởng bạc 2 lạng; đãi được 2 lạng trở lên thì bạc 2 lạng; đãi được 1 lạng trở lên thì thưởng bạc 4 lạng [10; tr. 314-315].

Cũng trong năm này, Lê Đại Cương, quan Tổng đốc Sơn – Hưng – Tuyên muốn xin vua cho thêm các thợ xét màu sắc, thợ nấu vàng, bạc, đồng ở Hà Nội và Bắc Ninh để thuận việc trong quản lý hoạt động khai mỏ. Nhà vua không đồng ý mà dụ nên lấy người trong hạt mình quản lý cho tiện việc.

Vua tuyên dụ. “Từ nay về sau, các hạt ở Bắc Kỳ, hễ hạt nào không có ngạch thợ vàng, bạc, đồng, sắt, son, thì cho chiêu theo công việc nhiều ít mà chiêu mộ để có thương số, miễn trừ cho họ không phải đi lính và lao dịch. Lúc có việc thì cấp cho tiền, gạo, để chi dùng; lúc không có việc thì thôi; cốt cho không thiếu người làm việc, kỹ nghệ đều tinh, không được lấy không nên không có mà cầu xin (lấy thợ) [10; tr. 315].

- Năm Minh Mệnh thứ 20 (1839), Nhà nước cho điều tra các mỏ để định lệ tăng hay giảm thuế: “Bộ Hộ tâu nói mỏ vàng, bạc ở các tỉnh dọc biên giới Bắc Kỳ gần đây chỗ hiện trưng thì ngạch thuế có giảm không tăng, mà chỗ đắp lấp thì chưa khai lấy, đều bởi quan địa phương ít nghĩ đến thuế khoá đủ thiếu, nên đề cho của cải sinh ra ở đất không khỏi làm lợi riêng cho kẻ buôn xảo trá, dân gian. Xin phái khoa đạo đi xem xét. Vua bèn sai bọn Ngự sử Nguyễn Văn Chấn, Vũ Viên chia nhau đi, đem sự thực tâu lên. Chuẩn cho theo bộ bản các mỏ hiện trưng, nơi nào khí mạch hơi vượng hơn trước, thì tăng thuế lên, chưa nhiều lắm thì vẫn theo ngạch thuế cũ, các mỏ lấp kín nơi nào khí mạch lại thịnh vượng thì khai lấy:

+ Tám sớ tăng ngạch thuế...

+ 4 sớ theo ngạch cũ...

+ 9 sớ đắp lấp lại khai lấy... Mỏ vàng Bàn Lỗ ở Hưng Hoá thuế vàng 6 lạng, đều do các tỉnh mộ người lính trưng, trong khi khai lấy khám xét rõ ràng, nên theo lệ cũ hoặc nên liệu thêm, chức định làm tập đệ tâu.

+ 9 sớ vẫn đắp lấp... [10; tr. 467 - 468].

- Minh Mệnh năm thứ 21 (1840), vua cho tiếp tục thu thuế các mỏ vàng ở Hưng Hoá: “Lại

thu thuế mỏ vàng Hưng Hoá (mỏ Bàn Lỗ mỗi năm nộp thuế vàng 10 tuổi 10 lạng; mỏ Hạt Ong mỗi năm nộp thuế vàng 10 tuổi 6 lạng)” [10; tr 753].

Nhận xét

- Thứ nhất, nhìn chung thế kỷ XIX tình hình khai mỏ của triều Nguyễn ở Lào Cai không phải hoàn toàn đình đốn, ngừng trệ mà vẫn có bước phát triển nhất định. Sự phát triển ấy thể hiện trong số lượng các loại mỏ, các loại khoáng sản và trong qui mô sản xuất của các trường mỏ

- Thứ hai, ở Lào Cai, ngành khai mỏ có những bước phát triển tương đối nhưng chỉ thể hiện rõ nét trong giai đoạn đầu của triều Nguyễn, nhất là đời vua Minh Mệnh. Đến các đời vua Thiệu Trị, Tự Đức chưa tìm thấy tư liệu nào ghi chép lại hoạt động khi mỏ Lào Cai.

- Thứ ba, phương thức sản xuất trong ngành khai mỏ ở Lào Cai nửa đầu thế kỷ XIX căn bản vẫn là lối sản xuất thủ công, cá thể với những hình thức bóc lột phong kiến mang nặng tính chất nô dịch. Nhưng trong một số trường mỏ do thương nhân Hoa Kiều và chủ mỏ người Việt lính trưng cũng mang nha xuất hiện những nhân tố mới, thể hiện trong tính chất kinh doanh của chủ mỏ, những chế độ thuế mướn nhân công tương đối tự do và những tổ chức sản xuất đã đạt đến một trình độ phân công nhất định. Đây là những trường mỏ do tư nhân kinh doanh. Quan hệ làm thuê trong những trường mỏ của nhà nước và thổ tù, quan lại căn bản dựa trên những “quan hệ trực tiếp về thống trị và nô dịch” với những hình thức lao dịch và lệ thuộc nặng nề [4; tr. 63].

- Thứ tư, trong hoạt động khai mỏ ở Lào Cai đã xuất hiện những mỏ do nhà nước trực tiếp khai thác. Nhà nước trực tiếp tổ chức khai thác mỏ là một chính sách kinh tế mới của triều Nguyễn. Thế kỷ XIX, triều Nguyễn – nhất là vua Minh Mạng – tự đứng ra tổ chức khai thác một số mỏ quan trọng, thường là mỏ vàng, mỏ bạc. Nhà nước cử những phái viên của triều đình hay giao cho những quan ở

tin, xuất tiền công thuê người, mộ phu, điều động quân lính lập những công trường khai mỏ lớn của nhà nước, như mỏ vàng Gia Nguyên (Hưng Hoá).

- Thứ năm, hoạt động khai mỏ ở Lào Cai do những thổ tù thiếu số lính trung: Hầu hết các mỏ của nước ta đều tập trung ở miền núi thuộc khu vực cư trú của các tộc người thiểu số. Vì vậy, từ lâu trong lịch sử nghề khai mỏ, đồng bào các dân tộc thiểu số đã đóng một vai trò quan trọng. Trước đây, ở vùng có mỏ, các thổ tù thường bắt nhân dân địa phương đi khai mỏ, rồi nộp một phần sản phẩm cho triều đình trung ương dưới hình thức cống nạp hay thuế hiện vật. Thế kỷ XIX, theo chế độ linh trung của triều Nguyễn, các thổ tù linh trung trực tiếp của nhà nước những mỏ ở địa phương và hàng năm nộp thuế cho nhà nước. Ví như: Cẩm Nhân Nguyễn linh trung mỏ vàng Mẫn Tuyển, mỏ kẽm Tú Dung ở Hưng Hoá năm 1802. Bạc Cẩm Chính linh trung mỏ đồng Phong Dự (trước là mỏ Thạch Bì) ở Hưng Hoá năm 1830. Bạc Cẩm Phúc linh trung mỏ bạc Phú Thành ở Hưng Hoá năm 1843.

- Thứ sáu, trong những trường mỏ do các thổ tù khai thác thì hiện tượng thuê mướn nhân công khá phổ biến. Những nhân công này phần lớn là Hoa kiều. Những tư liệu lịch sử vào thời cuối Lê đầu Nguyễn thường chép người Nùng hay đi khai mỏ và làm thuê. Vào nửa sau thế kỷ XVIII, Lê Quý Đôn cho rằng người Hoá Thường, tức là người Nùng Hoá (vốn là người Hồ Nam - Trung Quốc) rất thông thạo nghề tìm mỏ và khai mỏ vàng, bạc, sắt, đồng. Riêng ở mỏ đồng Tự Long có đến 3,4 ngàn người Hoá Thường và ở vùng Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hưng Hoá cũng có một số. Theo sách "Đại Nam thực lục", dưới triều Nguyễn, người Nùng Lục Khu Lũng thường làm thuê cho phụ đạo [4; tr. 54].

- Thứ bảy, để duy trì, phát triển ngành khai thác mỏ, triều Nguyễn đã có những chính sách khuyến khích việc khai mỏ, như: miễn thuế, định lệ khen thưởng.

Qua các đạo dụ, chính sách và hoạt động khai thác mỏ, chúng ta thấy thời Nguyễn hoạt động khai thác mỏ Lào Cai có bước phát triển, được triều đình quan tâm và khuyến khích hoạt động. Tuy nhiên, năm 1858 nước ta bị thực dân Pháp xâm lược. Vì vậy, hoạt động khai thác mỏ chỉ diễn ra chủ yếu nửa đầu thế kỷ XIX - đặc biệt là thời kì vua Minh Mệnh còn sau đó thực dân Pháp nắm toàn bộ việc khai mỏ ở nước ta cho đến trước cách mạng tháng Tám 1945.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BCH Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2010), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai (1947 - 2007)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
2. Phan Huy Lê (1963), "Tình hình khai mỏ dưới triều Nguyễn", *Nghiên cứu lịch sử*, 51, tr. 40-48.
3. Phan Huy Lê (1963), "Tình hình khai mỏ dưới triều Nguyễn", *Nghiên cứu lịch sử*, 52, tr. 47-59
4. Phan Huy Lê (1963), "Tình hình khai mỏ dưới triều Nguyễn", *Nghiên cứu lịch sử*, 53, tr. 53-63.
5. Phan Huy Lê (1964), "Thêm vài ý kiến về tình hình khai mỏ dưới triều Nguyễn". *Nghiên cứu lịch sử*, 64, tr. 46-54.
6. Ngô Vi Liễn (1999), *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
7. Quốc sử Quán triều Nguyễn (2005), *Đại Nam Hội Điển sự lệ tục biên, tập 3*, Nxb Giáo dục.
8. Quốc sử Quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam thực lục, tập 1*, Nxb Giáo dục
9. Quốc sử Quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam thực lục, tập 2*, Nxb Giáo dục
10. Quốc sử Quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam thực lục, tập 3*, Nxb Giáo dục.
11. Phạm Quang Trung (2015), *Phong trào công nhân tỉnh Lào Cai (1897 - 1945)*. Luận văn Thạc sĩ Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên.

SUMMARY
MINING OPERATIONS IN LAO CAI
UNDER THE REIGNS OF GIA LONG AND MINH MENH

Nguyễn Đại Đông*

University of Sciences - TNU

Lao Cai is a northern mountainous province with rich mineral resources. During the early nineteenth century, the Nguyen Dynasty promoted mining operations in Lao Cai. In the study of mining activities in Lao Cai during the reign of Gia Long and Minh Menh, the author focused on three issues: Lao Cai land sites through historical periods; the policies, and mining activities of the Nguyen Dynasty - especially during the reign of Gia Long and Minh Menh; and based on the mining activities of the Nguyen Dynasty in Lao Cai, the author presented some comments on the policy, organization and mining activities which were advocated by the Nguyen Dynasty in Lao Cai.

Keywords: *Lao Cai, Hung Hoa, mining, The Nguyen Dynasty, the 19th century.*

Ngày nhận bài: 06/01/2017, Ngày phản biên: 20/02/2017; Ngày duyệt đăng: 28/6/2017

* Tel: 0976 045.727, Email: dongnd@tus.edu.vn